

Sử dụng phương pháp dạy học dự án trong dạy học Học phần Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ mầm non cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Vinh

Nguyễn Thị Kỳ*

*ThS. Khoa GDMN, Trường Đại học Vinh

Received: 12/10/2023; Accepted: 22/10/2023; Published: 8/11/2023

Abstract: Project-based teaching is one of the active teaching methods, meeting today's educational innovation requirements. The paper presents a number of issues on project-based teaching and project-based teaching of the module "Hygiene and disease prevention for preschool children" in teaching for students in majoring in early childhood education of Vinh university. With features such as practical orientation, product orientation, professional competency development orientation, project-based teaching has created excitement for learners through practical situations, helping learners to develop self-awareness, self-reliance, sense of responsibility, practice soft skills.

Keywords: Phương pháp DH sự án, học phần VS&PBCTEMN

1. Mở đầu

Đầu thế kỷ XX, các nhà sư phạm Mỹ đã xây dựng cơ sở lý luận cho phương pháp dự án (The Project Method) và coi đó là một phương pháp DH (PPDH) quan trọng để thực hiện quan điểm DH lấy học sinh làm trung tâm. Trong những năm gần đây, đổi mới phương pháp giảng dạy chuyển từ tiếp cận kiến thức sang tiếp cận năng lực người học là yêu cầu cấp thiết đối với giáo dục ở bậc đại học. Chất lượng đào tạo ở các trường học được đánh giá thông qua chuẩn đầu ra về năng lực của người học. DH theo dự án (PROJECT-BASED LEARNING) là một trong những PPDH, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Trong quy trình DH theo dự án (PBL) ở các trường đại học, sinh viên (SV) cần chủ động trong việc lĩnh hội tri thức mới, từ việc xây dựng dự án, lập kế hoạch đến thực hiện và đánh giá, báo cáo kết quả của dự án..

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề về DH theo dự án

PBL là một hình thức DH hay PPDH phức hợp, trong đó dưới sự hướng dẫn của giáo viên, người học tiếp thu kiến thức và hình thành kỹ năng thông qua việc giải quyết một bài tập tình huống (dự án) có thật trong đời sống, theo sát chương trình học, có sự kết hợp giữa lý thuyết với thực hành và tạo ra các sản phẩm cụ thể. Trong quá trình đó, người học được trải nghiệm và phát triển các năng lực cá nhân. Khi tham gia các dự án học tập, người học được chủ động chọn chủ đề, chọn phương thức và lập kế hoạch thực hiện dự án. Các công việc thực hiện dự án được giao cho

từng cá nhân, từng nhóm cụ thể. PBL giúp người học biết cách tổ chức nhóm, phân công các hoạt động của nhóm; biết học hỏi, giúp đỡ, có ý kiến phản biện lẫn nhau. Đồng thời, khi xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ học tập, người học sẽ phát triển các năng lực tư duy, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, năng lực hợp tác, năng lực đánh giá,... Trong DH, việc đánh giá năng lực của người học là yêu cầu tất yếu và PBL sẽ tạo điều kiện thuận lợi để đánh giá và PTNL cho người học.

2.2. Quy trình DH theo dự án học phần VS&PBCTEMN đối với sinh viên ngành GDMN

DH môn VS&PBCTEMN cần đảm bảo quy trình chung của PBL, thể hiện tính kế thừa và phát triển, tính khoa học, đồng thời phải có tính đặc thù của môn học, tính linh hoạt và sáng tạo vận dụng trong các trường hợp cụ thể. Với quan điểm lấy người học là chủ thể của hoạt động nhận thức, đặc điểm của SV khối ngành Sư phạm, chúng tôi đề xuất quy trình PBL gồm 4 giai đoạn và 8 bước trong DH môn VS&PBCTEMN cho SV ngành GDMN. Cụ thể:

Giai đoạn 1: Xây dựng dự án

Bước 1: : Chọn đề tài, chia nhóm

Để xác định được nội dung PBL, giảng viên (GV) cần nghiên cứu nội dung chương trình môn VS&PBCTEMN, tìm trong chương trình học tập các nội dung cơ bản có liên quan hoặc có thể ứng dụng vào thực tế. Các môn học khác có liên quan để thấy được mối liên hệ giữa các nội dung, sau đó GV xác định chủ đề, nội dung có thể tổ chức PBL.

GV chia nhóm hoặc cho SV tự chia nhóm bằng cách đưa ra yêu cầu thành lập nhóm phù hợp với nhiệm vụ của dự án, năng lực của SV. Giáo viên phân chia lớp học thành các nhóm từ 6 - 8 SV, hướng dẫn người học đề xuất, xác định tên đề tài. Tên của dự án có thể do GV, SV hoặc nhóm SV đề xuất.

GV cần định hướng cho SV xác định đúng mục tiêu của dự án, lập kế hoạch chi tiết cách thức tổ chức các hoạt động, xây dựng bộ câu hỏi định hướng, cung cấp tài liệu tham khảo hoặc địa chỉ truy cập các nội dung liên quan, chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ các em trong việc thực hiện các hoạt động của dự án. SV cần thảo luận, xác định rõ mục tiêu, yêu cầu cần đạt, các nhiệm vụ cụ thể của dự án.

Giai đoạn 2: Xây dựng đề cương dự án

Bước 2: Xác định nhiệm vụ và thời gian thực hiện trong nhóm

Giáo viên hướng dẫn người học xác định mục đích, nhiệm vụ, cách tiến hành, kế hoạch thực hiện dự án; xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí...GV đưa ra kế hoạch chung, thống nhất mốc thời gian. SV trong từng nhóm chủ động thảo luận về các nhiệm vụ cần thực hiện, xác định các sản phẩm cần tạo ra khi hoàn thành dự án, giải pháp thực hiện nhiệm vụ đó, từ đó chia công việc thành các gói nhỏ để mỗi nhóm nhỏ hoặc cá nhân đảm nhận một phần. Nhiệm vụ của từng nhóm, cá nhân cần thật cụ thể, chi tiết về nội dung công việc, cách thức tiến hành, địa điểm thực hiện, thời gian hoàn thành. Căn cứ vào mục tiêu, quỹ thời gian thực hiện dự án và kế hoạch triển khai của SV, GV sẽ có những góp ý, chỉnh sửa cho hợp lý.

Giai đoạn 3: Thực hiện dự án

Bước 3: Xây dựng hệ thống lý thuyết: GV cung cấp cho SV các tài liệu liên quan hoặc đường link kết nối với kiến thức chuyên ngành. SV nghiên cứu hệ thống lý thuyết, từ các khái niệm, tính chất, ý nghĩa, nội dung và ứng dụng của hệ thống lý thuyết đó trong việc giải các vấn đề thực tiễn, qua đó hiểu được nội dung lý thuyết để có thể vận dụng vào giải các bài toán thực tiễn.

Bước 4: Hoàn thiện sản phẩm của dự án: SV sử dụng kiến thức lý thuyết đã nghiên cứu ở bước trên để vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Khi thực hiện dự án, SV cần tăng cường trao đổi giữa các thành viên trong nhóm, giữa nhóm này với nhóm khác. Các thành viên trong nhóm hoặc giữa các nhóm cần có ý kiến phản hồi, chỉnh sửa lẫn nhau, tăng cường sự hợp tác và trao đổi giữa các thành viên trong nhóm, giữa các nhóm với nhau. Đặc biệt, khi thực hiện dự án, SV cần xem lại mục tiêu để có sự

điều chỉnh kịp thời.

Giai đoạn 4: Trình bày kết quả và đánh giá

Bước 5: SV trình bày kết quả.

Kết quả của dự án là sản phẩm SV có thể đem ra giới thiệu, trình chiếu trước nhóm hoặc trước lớp. GV chuẩn bị cơ sở vật chất như: máy tính, máy chiếu, phong, bảng,... để SV có thể giới thiệu kết quả, từng nhóm báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình. Nhóm trưởng hoặc một SV đại diện cho nhóm (do GV quyết định) báo cáo kết quả hoạt động, giới thiệu sản phẩm của nhóm mình.

Bước 6: SV nhận xét, đánh giá: Việc đánh giá kết quả của SV gồm hai phần: SV tự đánh giá kết quả sản phẩm của mình, của nhóm mình và kết quả đạt được của các SV khác, nhóm khác. Từng cá nhân tự đánh giá kết quả nghiên cứu lý thuyết, sản phẩm của nhóm, từ đó chỉ ra ưu và nhược điểm trong sản phẩm của nhóm cũng như hướng khắc phục, chỉnh sửa sản phẩm cho hoàn thiện hơn. Sau khi các nhóm giới thiệu sản phẩm và tự đánh giá, GV cho SV của các nhóm còn lại hoặc đại diện các nhóm đó nhận xét, đánh giá về quá trình thực hiện dự án, sản phẩm đạt được.

Bước 7: GV nhận xét, đánh giá, kết luận: GV là người cuối cùng đánh giá, nhận xét tổng quát về quá trình thực hiện dự án và sản phẩm thu được của từng nhóm, đánh giá chung kết quả của dự án học tập để cả lớp cùng rút kinh nghiệm cho các dự án sau. Bên cạnh đó, GV có thể gợi mở, định hướng các chủ đề mới để tổ chức thực hiện các dự án học tập tiếp theo.

2.3. Một số dự án học tập trong DH môn VS&P-BCTEMN

Theo cách thức lựa chọn các chủ đề tổ chức PBL, chúng tôi đề xuất một số dự án học tập trong DH môn VS&PBCTEMN đối với sinh viên ngành GDMN trong DH VS&PBCTEMN như sau: (1) Sâu răng sữa ở trẻ MN; (2) Thừa cân, béo phì ở trẻ 4 - 6 tuổi; (3) Vệ sinh cá nhân ở trẻ 3 - 6 tuổi; (4) Bệnh đau mắt đỏ ở trẻ MN; (5) Phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ lứa tuổi MN; (6) Phòng chống bệnh tiêu chảy cho trẻ MN; (7) Nhiễm khuẩn đường hô hấp đối với trẻ em lứa tuổi MN; (8) Suy dinh dưỡng ở trẻ em lứa tuổi MN.

2.4. Hiệu quả đem lại khi PBL đối với học phần VS&PBCTEMN

PBL làm cho nội dung học tập trở nên có ý nghĩa hơn

- Vì được tích hợp với các vấn đề của giáo viên trong hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ MN, từ đó kích thích hứng thú học tập của trẻ.

- giúp việc học tập trong nhà trường gắn kết với

thực tiễn nghề nghiệp của SV.

- Người học có cơ hội thực hành và phát triển khả năng của mình.

PBL góp phần đổi mới PPDH, thay đổi phương thức đào tạo phù hợp với yêu cầu đổi mới DH

- Học tập dự án chuyển giảng dạy từ “giáo viên nói” thành “học viên làm”. Người học trở thành người giải quyết vấn đề, ra quyết định chứ không phải là người nghe thụ động. Họ hợp tác theo nhóm, tổ chức hoạt động, tiến hành nghiên cứu, giải quyết vấn đề, tổng hợp thông tin, tổ chức thời gian và phản ánh về việc học của mình.

- tạo điều kiện cho nhiều phong cách học tập khác nhau, sử dụng thông tin của những môn học khác nhau.

- yêu cầu học viên sự tư duy tích cực để giải quyết vấn đề, kích thích động cơ, hứng thú học tập.

- khuyến khích sử dụng các kỹ năng tư duy bậc cao, giúp người học hiểu biết sâu sắc hơn nội dung học tập.

PBL tạo ra môi trường thuận lợi cho người học rèn luyện và phát triển

- PBL giúp người học học được nhiều hơn vì trong hầu hết các dự án, học viên phải làm những bài tập liên quan đến nhiều lĩnh vực.

- Học viên có cơ hội để thử các năng lực khác nhau của bản thân khi tham gia vào một dự án.

- Học viên được rèn khả năng tư duy, suy nghĩ sâu sắc khi gặp những vấn đề phức tạp. Học viên có điều kiện để khám phá, đánh giá, giải thích và tổng hợp thông tin.

- Học viên được rèn khả năng vận dụng những gì đã học, đặc biệt các kiến thức về khoa học, công nghệ.

PBL phát huy tính tích cực, tự lực, chủ động, sáng tạo của người học

- PBL vừa tạo điều kiện, vừa buộc người học phải làm việc tích cực hơn.

- PBL phát huy tính tích cực, tự lực, tính trách nhiệm, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề của người học.

PBL giúp người học phát triển khả năng giao tiếp

- PBL không chỉ giúp người học tiếp thu kiến thức, mà còn giúp họ nâng cao năng lực hợp tác, khả năng giao tiếp với người khác.

- PBL thúc đẩy sự cộng tác giữa các học viên và giáo viên, giữa các học viên với nhau, nhiều khi mở rộng đến cộng đồng.

2.5. Những bài học kinh nghiệm để PBL đối với học phần VS&PBCTEMN thành công

- Việc phân chia các bước trong PBL chỉ có tính

tương đối. Trong thực tế chúng có thể xen kẽ và thâm nhập lẫn nhau.

- Giáo viên phải phác họa trước các ý tưởng cơ bản của dự án.

- Dựa vào mục đích, mục tiêu và chuẩn kiến thức, kỹ năng; giáo viên sẽ lựa chọn các bài học cần ưu tiên trong chương trình.

- Giáo viên nhớ là người hướng dẫn và hỗ trợ, không làm thay mà là tạo điều kiện cho học viên làm việc.

- Giáo viên cần đặt câu hỏi cho người học suy nghĩ và thử thách họ.

- Kiểm tra những kỹ năng cần thiết, kiểm tra tư duy của học viên.

3. Kết luận

PBL là hình thức DH hiện đại, hướng đến chủ thể hoạt động học tập nhằm trang bị kiến thức, nâng cao ý thức, hoàn thiện các kỹ năng, phát triển các năng lực cần thiết cho người học. PBL trong DH học phần vệ sinh và phòng bệnh trẻ cho trẻ MN đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học. Tuy nhiên, không phải nội dung nào cũng phù hợp để PBL mà GV phải lựa chọn những nội dung phù hợp và lên kịch bản trước để bám sát nội dung chương trình môn học. Với các đặc điểm như định hướng thực tiễn, định hướng sản phẩm, định hướng phát triển các năng lực nghề nghiệp, PBL trong học phần VS&PBCTEMN đã tạo hứng thú cho người học thông qua các tình huống thực tiễn, giúp họ phát huy tính tự giác, tự lực, tinh thần trách nhiệm, rèn luyện các kỹ năng mềm, phát triển các năng lực học tập.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Đồng Châu Thủy (2014). *DH dự án và vận dụng trong đào tạo giáo viên hóa học tại các trường ĐHSP(thông qua môn học PPDH hóa học ở trường phổ thông)*. Luận án Tiến sĩ GDH, ĐHSP Hà Nội.

2. Nguyễn Thị lan Phương (2016). *Sử dụng PPDH theo dự án (PROJECT-BASED LEARNING) nhằm nâng cao ý thức tự chủ trong học tập của sinh viên không chuyên: Thực trạng và giải pháp*. Báo cáo hội nghị - hội thảo Khoa học Quốc gia.

3. Trịnh Văn Biểu, Phan Đồng Châu Thủy, Trịnh Lê Hồng Phương (2011). *PBL - Từ lý luận đến thực tiễn*. Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh, số 28, tr 3-12.

4. Nguyễn Văn Tuấn (2021). *Tổ chức DH dự án “Một số ứng dụng của phương trình vi phân” trong DH môn toán cao cấp cho sinh viên khối ngành kỹ thuật*. Tạp chí Giáo dục, Số 496 (Kì 2 - 2/2021), tr 14-19.